

Bản án số: 1014/2024/DS-PT

Ngày: 29/11/2024

V/v: “*Tranh chấp chia thừa kế và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, về “*Tranh chấp chia thừa kế và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3197/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Triệu Thị Sà M, sinh năm 1947 (có mặt);

Địa chỉ: Nhà không số, ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thanh D, Văn phòng L1 – Đoàn Luật sư tỉnh S (có mặt);

Địa chỉ: Số B ấp B, TT P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

- Ông Thạch S, sinh năm 1950 (có mặt);

- Bà Trà Thị U, sinh năm 1949 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trà Thị U là ông Thạch S (như trên).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Triệu Thị M1 (Triệu Thị M2), sinh năm 1959 (vắng mặt);
Địa chỉ: Số nhà H, ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.
- Ông Triệu Đ, sinh năm 1954 (vắng mặt);
Địa chỉ: Nhà không số, ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.
- Bà Sơn Thị Sà M3 (X), sinh năm 1961 (vắng mặt);
Địa chỉ: Số nhà A, ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.
- Bà Triệu Thị T (vắng mặt);
Địa chỉ: Snom P, Mar P, T, Kam P.
- Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sơn Ngọc T1, Phó Chủ tịch UBND thị xã V (xin vắng mặt);
Địa chỉ: Đường C, Khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.
- Ông Trần P1, sinh năm 1979 (vắng mặt);
- Bà Thạch Thị Sà L, sinh năm 1979 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.
- Bà Thạch Thị N, sinh năm 1975 (có mặt)
- Ông Đặng Hoàng D1, sinh năm 1975 (vắng mặt);
- Cháu Khuru Thị Kim N1, sinh năm 2002 (vắng mặt);
- Cháu Khuru Thị Kim Y, sinh năm 2003 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.
- Bà Thạch Thị R, sinh năm 1987 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.
- Ông Thạch D2, sinh năm 1955 (vắng mặt);
- Bà Thạch Ti R1, sinh năm 1988 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.
- Ông Thạch Si T2 (vắng mặt);
- Bà Sơn Thị T3 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.
- Ông Thạch S1, sinh năm 1979 (có mặt);
- Bà Thạch Thị T4, sinh năm 1985 (vắng mặt);
- Cháu Thạch Thị Ngọc N2, sinh năm 2006 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.
- Bà Triệu Thị T5 (vắng mặt);

- Bà Triệu Thị T6 (vắng mặt);
- Bà Triệu Thị Si V (vắng mặt);
- Bà Triệu Thị Mỹ N3 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Phiên dịch tiếng khơ me: Bà Sơn Hồng V1- Cán bộ báo S3 (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Thạch S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn và người đại diện trình bày:

Cụ Sơn Thị H (sinh năm 1922, chết năm 2015) và cụ Triệu P2 (sinh năm 1920, chết năm 1968) có thửa đất số 328, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.595m², tọa lạc tại ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Cụ H, cụ P2 có 07 người con chung gồm bà Triệu Thị Sà M, bà Trà Thị U, bà Triệu Thị M1, bà Sơn Thị Sà M3, bà Triệu Thị T (định cư ở Campuchia), ông Triệu Đ, ông Triệu Đ1 (chết). Khi còn sống, cụ H có cho vợ chồng bà Trà Thị U, ông Thạch S phần đất có diện tích 498,7m² nằm trong thửa đất này. Sau đó, ông S, bà U chuyển nhượng lại cho ông Thạch T7.

Ngày 14/10/2005, ông S, bà U tự kê khai đăng ký toàn bộ diện tích đất trên (trong đó gồm cả phần đất bà H đã cho bà Triệu Thị M1) và được Ủy ban nhân dân huyện V (nay là thị xã V) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 328, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại ấp T, xã V, thị xã V. Hiện nay ông S, bà U đang quản lý, sử dụng diện tích còn lại khoảng 1.030m²; bà Triệu Thị M1 quản lý sử dụng khoảng 66,3m².

Bà Triệu Thị Sà M yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia thừa kế theo pháp luật cho bà M hưởng $\frac{1}{4}$ diện tích đất (tương đương 274m²) tại thửa đất số 328, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.096.3m² đất tọa lạc tại ấp T, xã V, thị xã V; là di sản thừa kế do cụ Sơn Thị H và cụ Triệu P2 để lại.

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 708724 do Ủy ban nhân dân huyện V (nay thị xã V), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 14/10/2005 cho ông Thạch S và bà Trà Thị U đứng tên tại thửa đất số 328, tờ bản đồ số 06, có diện tích 1.595m², tọa lạc tại ấp T, xã V, thị xã V.

- Yêu cầu được chia thêm một kỹ phần thừa kế dùng vào việc thờ cúng cha mẹ.

Bị đơn ông Thạch S và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trà Thị Ú trình bày như sau:

Thửa đất 328 nêu trên có nguồn gốc của cụ H (chết năm 2015) và cụ P2 (chết năm 1960). Phần đất này cụ H đã cho vợ chồng ông diện tích khoảng

1.595m² và đã chuyển nhượng lại một phần cho ông Thạch T8 diện tích là 498,7m², khi chuyển nhượng đất này thì cụ H vẫn còn sống và cũng biết.

Cụ Hội sống cùng vợ chồng ông ở trên phần đất này từ năm 1970 đến năm 2013. Năm 2013, bà M đưa cụ H qua nhà bà M ở đến năm 2015 thì cụ H chết và làm đám tang tại nhà bà M.

Phần đất này đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông vào năm 2005, lúc đó cụ H cho đất và khi cấp giấy cán bộ địa chính có xuống đo đạc và có những người kề cạnh giáp ranh chứng kiến, ký vào hồ sơ giáp ranh với nhau gồm có phía Đông có ông Kim S2 chứng kiến và ký giáp ranh (hiện nay ông S2 đã chết); phía Tây có ông Thạch D2 là chồng của bà Triệu Thị M1 chứng kiến và có ký giáp ranh; phía Bắc có ông Triệu Đ chứng kiến và ký giáp ranh; Phía Nam có ông Thạch P3 (lúc đó là Phó ban nhân dân ấp) chứng kiến và có ký giáp ranh.

Khi đi đăng ký quyền sử dụng đất thì địa chính xã kiểm tra sổ bộ phát hiện đất do cụ H đứng tên, nên ông có nhờ địa chính xã xuống tận nhà để hỏi ý kiến cụ H và cụ Hội đồng Ý cho vợ chồng ông vì có công nuôi cụ. Nhờ cụ H ký tên vợ chồng ông mới làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứ không như lời bà M trình bày là vợ chồng ông lên lúc đi đăng ký quyền sử dụng đất.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M, vì đất này cụ H đã cho vợ chồng ông từ 20 năm trước khi cụ chết và vợ chồng ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Theo đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Triệu Thị M1 và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau:

Thống nhất nguồn gốc đất như phía nguyên đơn và bị đơn trình bày và đang quản lý, sử dụng khoảng 66,3m² (phần đất này nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Thạch S và bà Trà Thị U), yêu cầu như sau:

- Chia thừa kế theo pháp luật cho bà M1 hưởng ¼ diện tích đất (tương đương 274m²) tại thửa đất số 328.

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 708724 do Ủy ban nhân dân huyện V (nay thị xã V), tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Thạch S và bà Trà Thị U đứng tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị R trình bày: Thống nhất với trình bày của ông Thạch S, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Đ trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà M và người liên quan bà M1. Ông đồng ý với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thuộc thửa 328 nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch D2, ông Trần P1 trình bày: Thông nhất với trình bày của người liên quan bà M1, không có ý kiến gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 153, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

Căn cứ vào Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Triệu Thị Sà M và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị M1 về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thuộc thửa 328, tờ bản đồ số 06, diện tích đo đạc thực tế 1.324m², đất tọa lạc tại ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Xác định phần đất thuộc thửa 328, tờ bản đồ số 06, diện tích đo đạc thực tế 1.324m², đất tọa lạc tại ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng là di sản thừa kế của ông Triệu P2 và bà Sơn Thị H chết để lại và được phân chia cho các đồng thừa kế như sau:

- Bà Triệu Thị Sà M được phân chia phần đất có diện tích 237,7m² (trong đó 57,14m² đất ONT; 180,56m² đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp lộ đal, có số đo 39,32m; hướng tây giáp kênh thủy lợi, có số đo 36,85m; hướng nam giáp phần đất chỉ giới kênh, có số đo 9,28m; hướng bắc giáp đất ông Triệu Đ, có số đo 8,33m.

- Bà Triệu Thị M1 được phân chia phần đất có diện tích 301,4m² (trong đó 28,57m² đất ONT; 272,83m² đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất chia cho bà Ú), có số đo 22,31m; hướng tây giáp lộ đal, có số đo 19,50m, hướng nam giáp phần đất chỉ giới kênh, có số đo 13,64m; hướng bắc giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất ổn định cho ông Thạch S1), có số đo 15,83m.

- Bà Trà Thị Ú được phân chia phần đất có diện tích 238.5m² (trong đó 28,57m² đất ONT; 209,93m² đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp phần đất ông Thạch T7, có số đo 24,63m; hướng tây giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất

chia cho bà M1), có số đo 22,31m; hướng nam giáp phần đất chỉ giới kênh, có số đo 10,65m; hướng bắc giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất ổn định cho ông S1), có số đo 9,95m.

- Bà Sơn Thị Sà M3 được phân chia phần đất có diện tích 189,14m² (trong đó 28,57m² đất ONT; 160,57m² đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp phần đất của ông Thạch T7, có số đo 9,11m; hướng tây giáp lộ đal, có số đo 7,32m; hướng nam giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất ổn định cho ông S1), có số đo 25,95m; hướng bắc giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất chia cho ông Triệu Đ), có số đo 25,74m.

- Ông Triệu Đ được phân chia phần diện tích 131,36m² (trong đó 28,57m² đất ONT; 102,79m² đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp phần đất của ông Thạch T7, có số đo 5,52m; hướng tây giáp lộ đal có số đo 4,73m; hướng nam giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất chia cho bà M3), có số đo 25,74m; hướng bắc giáp phần đất khác của ông Triệu Đ, có số đo 25,56m.

+ Buộc ông Thạch S1 hoàn trả số tiền 2.313.429 đồng cho ông Triệu Đ.

- Bà Triệu Thị T được phân chia giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 23.565.714 đồng.

+ Buộc bà M phải thối lại giá trị cho bà Triệu Thị T số tiền 17.940.686 đồng.

+ Buộc bà M1 phải thối lại giá trị cho bà T số tiền 4.489.486 đồng.

+ Buộc bà Ú phải thối lại giá trị số tiền 1.135.543 đồng cho bà T.

- Những người thừa kế của ông Triệu Đ1 gồm Triệu Thị T5, Triệu Thị T6, Triệu Thị Si V, Triệu Thị Mỹ N3 được phân chia giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 23.565.714 đồng.

+ Buộc bà Ú thối lại giá trị cho những người thừa kế của ông Đ1 (như đã nêu trên) số tiền 839.943 đồng.

+ Buộc ông Thạch S1 hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho những người thừa kế của ông Đ1 (như đã nêu trên) số tiền 22.725.771 đồng.

- Ổn định cho ông Thạch S1 được quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 328, có diện tích 226m² (trong đó 28,57m² đất ONT; 197,43m² đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp phần đất ông Thạch T7, có số đo 9,11m; hướng tây giáp lộ đal, có số đo 8,34m, hướng nam giáp phần đất còn lại thửa 328, có số đo 15,83m + 9,95m; hướng bắc giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần chia cho bà M3), có số đo 25,94m.

(có sơ đồ kèm theo)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các ông, bà Triệu Thị T, Triệu Thị T5, Triệu Thị T6, Triệu Thị Si V, Triệu Thị Mỹ N3, Triệu Đ có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng thì những người có nghĩa vụ trả tiền nêu trên phải chịu mức

lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương đương số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Những người được phân chia, giao quyền sử dụng đất nêu trên được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thêm một kỷ phần thừa kế dùng vào việc thờ cúng.

3. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 708724, do UBND huyện V (nay là thị xã V) cấp cho ông Thạch S và bà Trà Thị Ú vào ngày 14/10/2005, đối với phần diện tích đất theo giấy chứng nhận là 1.096,3m² (đo đạc thực tế là 1.324m²), thuộc thửa 328, tờ bản đồ 6, tọa lạc ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 20/9/2023, ông Thạch S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng: Nguồn gốc đất là của cụ H, cụ P2 và ông S, bà U đã được cụ H cho đất và đã đăng ký được cấp Giấy CNQSD đất hợp pháp. Cụ H, cụ P2 đã cho bà M và những người khác các phần đất khác rồi. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn cho rằng: Nguồn gốc đất là của cụ H, cụ P2 và ông S, bà U khi đăng ký để cấp Giấy CNQSD đất cũng đã thừa nhận. Không có chứng cứ chứng minh được cụ H, cụ P2 đã cho đất; Trình tự cấp Giấy CNQSD đất không đúng quy định của Luật đất đai. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét đơn kháng cáo của ông S hợp lệ nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Di sản thừa kế là của cụ H, cụ P2. Ông S không có chứng cứ chứng minh được phần đất do cụ H, cụ P2 cho. Cần ổn định đất cho những người đang sử dụng, việc bà M, bà M1 yêu cầu chia thừa kế là có cơ sở nên cần hủy một phần Giấy CNQSD đất. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của ông S không có tình tiết mới, không

chứng minh được yêu cầu của ông nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của ông Thạch S là hợp lệ, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Triệu Thị T9 có địa chỉ cư trú tại Campuchia. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xác định di sản thừa kế:

Các đương sự thừa nhận phần đất này có nguồn gốc của cụ Sơn Thị H (đã chết năm 2015) và cụ Triệu P2 (đã chết năm 1968), ban đầu phần đất này có diện tích 1.595m², đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trà Thị U và ông Thạch S tại thửa 328 vào ngày 14/10/2005. Phần diện tích 498,7m² các bị đơn chuyển nhượng cho ông Thạch T7 vào ngày 25/11/2005 (phần đất này các đương sự thống nhất là các bị đơn được cha mẹ cho, không yêu cầu chia thừa kế).

Tại Biên bản xác minh ngày 07/5/2019 của UBND xã V và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án vào ngày 06/5/2022 đối với phần đất 328 nêu trên thì phần đất tranh chấp có diện tích thực tế 1.324m²; có tứ cận hướng tây giáp kênh thủy lợi, hướng đông giáp đất ông Thạch T7 (phần đất mà ông S đã chuyển nhượng cho ông T7), hướng nam giáp kênh thủy lợi (kênh N), hướng bắc giáp đất ông Triệu Đ. Trên phần đất này có căn nhà của ông Thạch D2 (chồng của bà M1), được xây dựng từ năm 1997 và sinh sống cho đến nay, phía ông S cũng không có ý kiến phản đối gì.

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất tại thửa 328 và tại Văn bản số 15/CV-CNVC của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất thị xã V đã cung cấp thông tin phần đất thuộc thửa 328 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Thạch S và bà Trà Thị Ú chưa được công nhận phần diện tích hành lang kênh. Phần đất chỉ giới kênh chưa được Nhà nước công nhận và không được xem là di sản thừa kế để xem xét giải quyết phân chia trong vụ án. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án thì hiện trạng phần đất thuộc thửa 328 có tổng diện tích 2.111,9m² (trong đó 708,7m² diện tích nằm trong chỉ giới kênh và 120,2m² diện tích lộ bê tông). Như vậy, phần diện tích nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 328 nêu trên có diện tích thực tế là 1.324m² (đã trừ diện tích lộ bê tông) là di sản của cụ Triệu P2 và

cụ Sơn Thị H chết để lại, chưa được phân chia. Do đó yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản nêu trên là có cơ sở.

Đối với yêu cầu của bà M về việc yêu cầu được chia thêm một kỷ phần thừa kế dùng vào việc thờ cúng, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu được chia thêm một kỷ phần thờ cúng là có căn cứ.

[2.2]. Xác định hàng thừa kế: Cụ Triệu P2 và cụ Sơn Thị H có 07 người con gồm: Triệu Thị Sà M, Triệu Đ1 (đã chết năm 1988), Trà Thị Ú, T, Triệu Thị M1, Sơn Thị Sà M3 và Triệu Thị T; ông Triệu Đ1 chết có người thừa kế là Triệu Thị T5, Triệu Thị T6, Triệu Đ2 (đã chết), Triệu Thị Si V, Triệu Thị Mỹ N3.

[2.3]. Di sản nêu trên được chia thành 07 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần $189,14m^2$ (trong đó loại đất ONT $28,57m^2$; loại đất HNK $160,57m^2$) tương đương trị giá là 23.565.714 đồng theo kết quả định giá ngày 06/5/2022.

Hiện trạng trên phần đất thuộc thửa 328 có diện tích $1.324m^2$ có 04 căn nhà bao gồm nhà của các bị đơn, nhà của bà M1, nhà của ông Thạch Si T2 và nhà của ông Thạch S1 (con của bị đơn), các căn nhà này đều đã được xây dựng kiên cố, do đó khi phân chia di sản cần xem xét ưu tiên ổn định cho những người này.

Đối căn nhà của ông Thạch Si T2 trên thửa 328, thì thấy rằng bà M1 lấy một phần đất thuộc thửa 328 (phần đất có căn nhà của ông T2) để đổi 03 công đất với ông T2 ở vị trí khác, do đó ông T2 nhận phần đất tại thửa 328 để xây dựng nhà ở như hiện nay. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M1 cũng đồng ý được nhận phần diện tích đất có căn nhà của bà và nhà của ông T2, và sẽ hoàn trả lại giá trị chênh lệch nếu phần đất bà được giao nhiều hơn diện tích một kỷ phần thừa kế mà bà được hưởng là $189,14m^2$; ông T2 không có yêu cầu gì trong vụ án này liên quan đến phần đất có căn nhà của ông, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không đặt ra xem xét; ông T2 và bà M1 sẽ tự thỏa thuận với nhau, trường hợp không thỏa thuận được thì các bên có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Đối với 03 căn nhà nằm trong chỉ giới kênh (cặp kênh thủy lợi), do không thuộc di sản thừa kế nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét giải quyết là có căn cứ.

Như vậy, di sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa 328 nêu trên được phân chia cho những người thừa kế như sau:

[2.3.1]. Bà M được phân chia phần đất có diện tích $237,7m^2$ (trong đó $57,14m^2$ đất ONT; $180,56m^2$ đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp lộ đal, có số đo 39,32m; hướng tây giáp kênh thủy lợi, có số đo 36,85m; hướng nam giáp phần đất chỉ giới kênh, có số đo 9,28m; hướng bắc giáp đất ông Triệu Đ, có số đo 8,33m.

[2.3.2]. Bà M1 được phân chia phần đất có diện tích $301,4m^2$ (trong đó $28,57m^2$ đất ONT; $272,83m^2$ đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp phần đất còn

lại thửa 328 (phần đất chia cho bà Ú), có số đo 22,31m; hướng tây giáp lộ đal, có số đo 19,50m, hướng nam giáp phần đất chỉ giới kênh, có số đo 13,64m; hướng bắc giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất ổn định cho ông Thạch S1), có số đo 15,83m.

[2.3.3]. Bà Ú được phân chia phần đất có diện tích 238.5m² (trong đó 28,57m² đất ONT; 209,93m² đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp phần đất ông Thạch T7, có số đo 24,63m; hướng tây giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất chia cho bà M1), có số đo 22,31m; hướng nam giáp phần đất chỉ giới kênh, có số đo 10,65m; hướng bắc giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất ổn định cho ông S1), có số đo 9,95m.

[2.3.4]. Bà M3 được phân chia phần đất có diện tích 189,14m² (trong đó 28,57m² đất ONT; 160,57m² đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp phần đất của ông Thạch T7, có số đo 9,11m; hướng tây giáp lộ đal, có số đo 7,32m; hướng nam giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất ổn định cho ông S1), có số đo 25,95m; hướng bắc giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất chia cho ông Triệu Đ), có số đo 25,74m.

[2.3.5]. Ông Đ được phân chia phần diện tích 131,36m² (trong đó 28,57m² đất ONT; 102,79m² đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp phần đất của ông Thạch T7, có số đo 5,52m; hướng tây giáp lộ đal có số đo 4,73m; hướng nam giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất chia cho bà M3), có số đo 25,74m; hướng bắc giáp phần đất khác của ông Triệu Đ, có số đo 25,56m.

[2.3.6]. Đối với người thừa kế bà Triệu Thị T là người Việt Nam nhưng đang định cư tại Campuchia nên cần phân chia giá trị một kỷ phần thừa kế tương đương 23.565.714 đồng. Bên cạnh đó, đối với người thừa kế ông Triệu Đ1 (đã chết) có những người thừa kế thế vị là Triệu Thị T5, Triệu Thị T6, Triệu Thị Si V, Triệu Thị Mỹ N3 cũng được phân chia giá trị một kỷ phần thừa kế là 23.565.714 đồng.

[2.3.7]. Do ông Thạch S1 có căn nhà kiên cố trên phần đất thửa 328 nêu trên, vì vậy cần ổn định phần diện tích đất này cho ông Thạch S1 sử dụng ổn định và ông S1 phải trả giá trị quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế, cụ thể phần đất được ổn định có diện tích 226m² (trong đó 28,57m² đất ONT; 197,43m² đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp phần đất ông Thạch T7, có số đo 9,11m; hướng tây giáp lộ đal, có số đo 8,34m, hướng nam giáp phần đất còn lại thửa 328, có số đo 15,83m + 9,95m; hướng bắc giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần chia cho bà M3), có số đo 25,94m. Ông S1 hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất là 25.039.200 đồng cho các đồng thừa kế.

[2.3.8]. Theo như việc phân chia di sản thừa kế nêu trên thì bà M, bà M1, bà Ú được nhận quyền sử dụng đất nhiều hơn một kỷ phần thừa kế do đó các bà phải trả lại giá trị chênh lệch cho ông Đ, bà T và những người thừa kế của ông Đ1 tương ứng với phần giá trị quyền sử dụng đất được chia nhiều hơn. Cụ thể:

Bà M được chia phần đất có giá trị 41.506.400 đồng, trừ một kỷ phần thừa kế là 23.565.714 đồng, giá trị chênh lệch là 17.940.686 đồng. Do đó, bà M phải trả lại cho bà T số tiền 17.940.686 đồng.

Bà M1 được chia phần đất có giá trị 28.055.200 đồng, trừ một kỷ phần thừa kế là 23.565.714 đồng, giá trị chênh lệch là 4.489.486 đồng. Do đó, bà M1 còn phải trả lại cho bà T số tiền 4.489.486 đồng.

Bà Ú được chia phần đất có giá trị 25.539.200 đồng, trừ một kỷ phần thừa kế là 23.565.714 đồng, giá trị chênh lệch là 1.975.486 đồng. Do đó, bà U trả lại một phần giá trị số tiền 1.135.543 đồng cho bà T và phần giá trị chênh lệch còn lại 839.943 đồng thì bà U tiếp tục trả lại cho những người thừa kế của ông Đ1 (gồm: Triệu Thị T5, Triệu Thị T6, Triệu Thị Si V, Triệu Thị Mỹ N3).

Đối với ông Thạch S1 trả lại giá trị quyền sử dụng đất là 25.039.200 đồng, trong đó hoàn trả cho những người thừa kế của ông Đ1 như đã nêu trên số tiền 22.725.771 đồng và trả lại số tiền 2.313.429 đồng cho ông Đ.

Do phần đất thuộc thửa 328 nêu trên là di sản của cụ P2 và cụ H chết để lại và được phân chia thừa kế như trên, nên việc UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 328, với tổng diện tích 1.595m² cho ông Thạch S và bà Trà Thị U là chưa đảm bảo đúng quy định. Vì vậy, cần thiết phải hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất diện tích theo giấy chứng nhận là 1.096,3m² (đo đạc thực tế là 1.324m²).

Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M và yêu cầu độc lập của người liên quan bà M1 về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất thuộc thửa 328 và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Thạch S và bà Trà Thị U là có cơ sở chấp nhận. Riêng yêu cầu của bà M về việc chia thêm một kỷ phần thừa kế dùng vào việc thờ cúng thì không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, phía bị đơn không đưa ra được chứng cứ mới để chứng minh yêu cầu kháng cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3]. Ý kiến của bị đơn không được chấp nhận.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa được chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông S được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; Điều 293; khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Thạch S.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Triệu Thị Sà M và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị M1 về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thuộc thửa 328, tờ bản đồ số 06, diện tích đo đạc thực tế 1.324m², đất tọa lạc tại ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Xác định phần đất thuộc thửa 328, tờ bản đồ số 06, diện tích đo đạc thực tế 1.324m², đất tọa lạc tại ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng là di sản thừa kế của cụ Triệu P2 và cụ Sơn Thị H chết để lại và được phân chia cho các đồng thừa kế như sau:

- Bà Triệu Thị Sà M được phân chia phần đất có diện tích 237,7m² (trong đó 57,14m² đất ONT; 180,56m² đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp lộ đal, có số đo 39,32m; hướng tây giáp kênh thủy lợi, có số đo 36,85m; hướng nam giáp phần đất chỉ giới kênh, có số đo 9,28m; hướng bắc giáp đất ông Triệu Đ, có số đo 8,33m.

- Bà Triệu Thị M1 được phân chia phần đất có diện tích 301,4m² (trong đó 28,57m² đất ONT; 272,83m² đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất chia cho bà U), có số đo 22,31m; hướng tây giáp lộ đal, có số đo 19,50m, hướng nam giáp phần đất chỉ giới kênh, có số đo 13,64m; hướng bắc giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất ổn định cho ông Thạch S1), có số đo 15,83m.

- Bà Trà Thị Ú được phân chia phần đất có diện tích 238,5m² (trong đó 28,57m² đất ONT; 209,93m² đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp phần đất ông Thạch T7, có số đo 24,63m; hướng tây giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất chia cho bà M1), có số đo 22,31m; hướng nam giáp phần đất chỉ giới kênh, có số đo 10,65m; hướng bắc giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất ổn định cho ông S1), có số đo 9,95m.

- Bà Sơn Thị Sà M3 được phân chia phần đất có diện tích 189,14m² (trong đó 28,57m² đất ONT; 160,57m² đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp phần đất của ông Thạch T7, có số đo 9,11m; hướng tây giáp lộ đal, có số đo 7,32m; hướng nam giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất ổn định cho ông S1), có số đo 25,95m; hướng bắc giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất chia cho ông Triệu Đ), có số đo 25,74m.

- Ông Triệu Đ được phân chia phần diện tích 131,36m² (trong đó 28,57m² đất ONT; 102,79m² đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp phần đất của ông

Thạch T7, có số đo 5,52m; hướng tây giáp lộ đal có số đo 4,73m; hướng nam giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần đất chia cho bà M3), có số đo 25,74m; hướng bắc giáp phần đất khác của ông Triệu Đ, có số đo 25,56m.

+ Buộc ông Thạch S1 hoàn trả số tiền 2.313.429 đồng cho ông Triệu Đ.

- Bà Triệu Thị T được phân chia giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 23.565.714 đồng.

+ Buộc bà M phải trả lại giá trị cho bà Triệu Thị T số tiền 17.940.686 đồng.

+ Buộc bà M1 phải trả lại giá trị cho bà T số tiền 4.489.486 đồng.

+ Buộc bà U phải trả lại giá trị số tiền 1.135.543 đồng cho bà T.

- Những người thừa kế của ông Triệu Đ1 gồm Triệu Thị T5, Triệu Thị T6, Triệu Thị Si V, Triệu Thị Mỹ N3 được phân chia giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 23.565.714 đồng.

+ Buộc bà U trả lại giá trị cho những người thừa kế của ông Đ1 (như đã nêu trên) số tiền 839.943 đồng.

+ Buộc ông Thạch S1 hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho những người thừa kế của ông Đ1 (như đã nêu trên) số tiền 22.725.771 đồng.

- Ôn định cho ông Thạch S1 được quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 328, có diện tích 226m² (trong đó 28,57m² đất ONT; 197,43m² đất HNK), có vị trí: Hướng đông giáp phần đất ông Thạch T7, có số đo 9,11m; hướng tây giáp lộ đal, có số đo 8,34m, hướng nam giáp phần đất còn lại thửa 328, có số đo 15,83m + 9,95m; hướng bắc giáp phần đất còn lại thửa 328 (phần chia cho bà M3), có số đo 25,94m.

(có sơ đồ kèm theo)

Những người được phân chia, giao quyền sử dụng đất nêu trên được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thêm một kỷ phần thừa kế dùng vào việc thờ cúng.

4. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 708724, do UBND huyện V (nay là thị xã V) cấp cho ông Thạch S và bà Trà Thị Ú vào ngày 14/10/2005, đối với phần diện tích đất theo giấy chứng nhận là 1.096,3m² (đo đạc thực tế là 1.324m²), thuộc thửa 328, tờ bản đồ 6, tọa lạc ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Thạch S được miễn.

6. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt